TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 241/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20-11-2019
V/v Ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Sóng

Bà Bùi Thúy Mở

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 466/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn và con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2019/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đào Văn C ; địa chỉ: Thôn 4B, xã T , huyện T , thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Vũ Thị T ; địa chỉ: Thôn C , xã H , huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là anh Đào Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Văn C và chị Vũ Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T , huyện T , thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 14 tháng 9 năm 2006). Quá trình chung sống hòa thuận đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nhau. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn chị Vũ Thị T .

- Về con chung: Anh C và chị T có ba con chung là Đào Hải N , sinh ngày 06 tháng 8 năm 2006; Đào Yến A , sinh ngày 20 tháng 11 năm 2007 và Đào Tiến Đ , sinh ngày 30 tháng 7 năm 2016. Hiện nay anh C đang nuôi con Đào Yến A , chị T trực tiếp nuôi hai con Đào Hải N và Đào Tiến Đ . Khi ly hôn, anh C nuôi con anh C đề nghị để anh và chị T tự thỏa thuận giao nhận cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh C trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn chị Vũ Thị T trình bầy: Về quan hệ hôn nhân, chị T đồng ý với trình bầy của anh C về thời gian, điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp. Gia đình đã hòa giải nhưng không được, anh C có đơn xin ly hôn, chị T đồng ý ly hôn với anh C . Về con chung: Chị T thống nhất với lời khai của anh C , vợ chồng có ba con chung, hiện nay anh C đang nuôi con tên Đào Yến A , chị T đang nuôi con tên Đào Hải N và Đào Tiến Đ , khi ly hôn chị T đề nghị được giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay. Về cấp dưỡng nuôi để chị T và anh C tự thỏa thuận giao nhận cho nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chị T trình bầy vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật về dân sự. Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyền vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật và những người tham gia tố tụng. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời khai của anh C tại Tòa án phù hợp với bản sao giấy đăng ký kết hôn mà anh C đã giao nộp cho Tòa án, phù hợp với tài liệu xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T . Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng anh C và chị T có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh C và chị T đều có khả năng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là chị Vũ Thị T cư trú tại xã H , huyện T , thành phố Hải Phòng; chị T và anh C có đơn thống nhất thỏa thuận đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên giải quyết vụ việc. Chị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên có thẩm quyền xét xử vụ án này. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 14 tháng 9 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã T , huyện T , thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Đào Văn C được ly hôn chị Vũ Thị T .

[3]. Về con chung: Anh C và chị T có ba con chung là Đào Hải N , sinh ngày 06 tháng 8 năm 2006; Đào Yến A , sinh ngày 20 tháng 11 năm 2007 và Đào Tiến Đ , sinh ngày 30 tháng 7 năm 2016. Khi ly hôn anh C và chị T thống nhất đề nghị: Anh C trực tiếp nuôi con tên Đào Yến A , chị T trực tiếp nuôi con tên Đào Hải N và Đào Tiến Đ . Xét việc nuôi con của anh C và chị T đã ổn định, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Vì vậy, giao cho anh C trực tiếp nuôi con chung Đào Yến A , chị T trực tiếp nuôi con chung Đào Hải N và Đào Tiến Đ là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C và chị T đề nghị để tự thỏa thuận giao nhận cho nhau, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Anh C và chị T đều trình bầy vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Đào Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Anh Đào Văn C được ly hôn chị Vũ Thị T .

2. Về con chung: Giao cho anh Đào Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đào Yến A , sinh ngày 20 tháng 11 năm 2007; cho đến khi con đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đào Hải N , sinh ngày 06 tháng 8 năm 2006 và Đào Tiến Đ , sinh ngày 30 tháng 7 năm 2016; cho đến khi mỗi con đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đào Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002659 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Anh Đào Văn C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã T, Thủy Nguyên, Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 14/9/2006);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Lý